

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN SINH
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

Biểu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 04 tháng 04 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 174/QĐ-THAS ngày 15/4/2024 của trường tiểu học An Sinh)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-
1	Số thu phí, lệ phí	0	0		-
1.1	Học phí	0	0		-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		-
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.581.418.000	1.559.280.236	21	126
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	7.581.418.000	1.559.280.236	21	126
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.401.706.000	1.479.842.486	20	119
a	Chi thanh toán cho cá nhân	5.867.326.000	1.423.007.831	24	128
	Mục 6000: Tiền lương	3.200.000.000	750.654.000	23	129
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	16.549.560	0	-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.746.106.000	445.342.506	26	132
	Mục 6200: Tiền thưởng	23.220.000	-		-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12.000.000	-	0	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	850.000.000	205.619.765	24	131
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	36.000.000	4.842.000	0	-
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.364.380.000	36.663.655	3	48
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	70.000.000	7.823.655	11	96
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	134.380.000		0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	60.000.000	8.140.000	14	86
	Mục 6650: Hội nghị	50.000.000		0	
	Mục 6700: Công tác phí	30.000.000	2.400.000	8	114
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	250.000.000		0	-
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	380.000.000		0	-

	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	30.000.000	-	0	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	350.000.000	18.300.000	5	-
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000		0	-
c	Các khoản chi khác	170.000.000	20.171.000	12	-
	Mục 7750: Chi khác	170.000.000	20.171.000	12	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	179.712.000	79.437.750		-
a	Chi thanh toán cho cá nhân	-			-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	-			-
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho HS SV	-			-
	Mục 6750: Chi thuê mướn	-			-
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	179.712.000	79.437.750		-
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	179.712.000	79.380.000		
	Chi khác		57.750		-

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Nhung

Số liệu Quý I/2023

<u>1.240.413.940</u>
1.240.413.940
<u>1.240.413.940</u>
<u>1.113.359.816</u>
582.588.803
31.200.000
337.370.822
157.432.191
4.768.000
<u>76.210.124</u>
8.178.124
4.800.000
9.413.800
2.100.000
36.961.200
14.757.000

50.844.000
50.844.000
-
-